



# BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGẮN

Giá mục tiêu HVN: 32  
Hỗ trợ: 18 | Kháng cự: 43

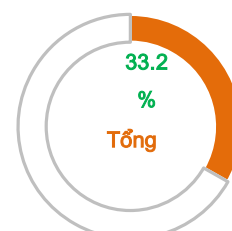
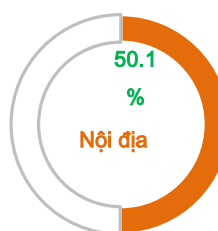
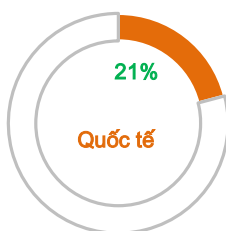
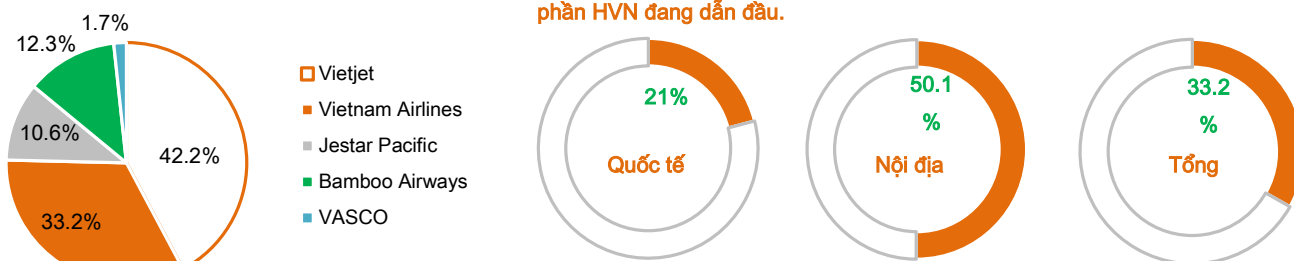
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM \_ HVN

Tp.HCM, ngày 23/06/2020

Thị trường quốc tế Q1 và Q2/2020 sụt giảm vì dịch bệnh Covid -19, theo thống kê của Cục Hàng Không, thị trường Trung Quốc chiếm khoảng 25% sản lượng ngành hàng không Việt Nam. Riêng HVN, công ty cũng khai thác 13 trên 98 chuyến bay kết nối Việt Nam tới các địa điểm tại quốc gia này. Lượng khách quốc tế đến Việt nam trong 3 tháng đầu năm 2020 đạt 2.99 triệu người (Trong đó lượng khách đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản giảm lần lượt là 32%, 26% và 14%).

Các tuyến quốc tế bị ngưng nên thúc đẩy và kích thích vận tải nội địa phát triển kèm theo nhiều ưu đãi và hỗ trợ của chính phủ cho ngành hàng không. Doanh thu nội địa phục vụ từ cuối Quý 2 sau ngày 17/5 sẽ phục hồi trở lại sau khi các chuyến bay nội địa của HVN được tái khai thác. Doanh nghiệp có quy mô lớn và ngành nghề đặc biệt như Vietnam Airlines, ngay cả khi free float thấp, vẫn sẽ thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư cá nhân và tổ chức.

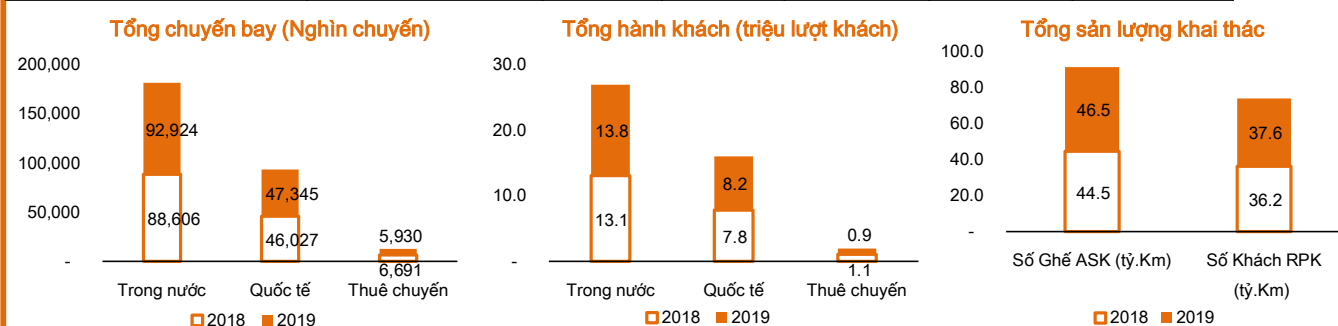
**Kết hợp thị phần giữa HVN (33.2%) và các hãng hàng không thành viên trợ thuộc gồm Jetstar Pacific (10.6%), VASCO (1.7%) thị phần HVN đang dẫn đầu.**



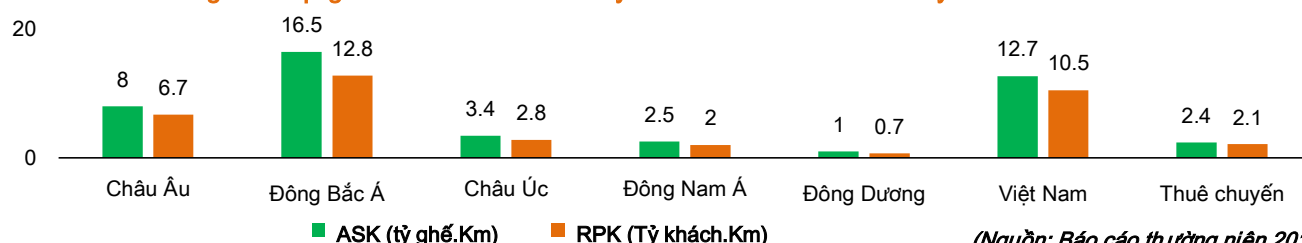
(Nguồn: FNS Research tổng hợp)

Năm 2019, HVN đã chủ động điều hành tăng/giảm tải cung ứng phù hợp với nhu cầu thị trường để tối ưu hóa doanh thu và giảm chi phí, tăng cường bán dịp cao điểm để tăng thu. (1) Đối với mạng bay quốc tế, bên cạnh việc mở đường bay mới tăng cường khai thác đến khu vực thị trường trọng điểm Đông Bắc Á cũng như tăng tải đối với thị trường Trung Quốc, HVN đã linh hoạt điều chỉnh phương án khai thác giữa các nhóm đường bay Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc và Úc để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. (2) Đối với mạng bay nội địa, HVN triển khai một loạt các biện pháp củng cố sản phẩm trên đường bay quan trọng nhất Hà Nội – TP. HCM với các chuyến bay hàng ngày phối hợp sản phẩm HVN và JPA.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2019/2015
Chuyến bay	Nghìn chuyến	131.2	141.7	141.3	146.2	19.1%
Khách vận chuyển	Triệu lượt khách	20.7	21.9	21.9	22.9	31.6%
Hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	271.0	323.0	341.5	348.0	67.0%
Khách luân chuyển	Tỷ khách.Km	32.8	34.8	36.3	37.6	31.0%
Ghế luân chuyển	Tỷ ghế.Km	40.6	42.7	44.7	46.5	29.9%
Hệ số sử dụng ghế	%	80.8%	81.5%	81.3%	80.9%	



## Tổng sản lượng khai thác Ghế luân chuyển ASK và Khách luân chuyển RPK 2019



(Nguồn: Báo cáo thường niên 2019)



# BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGẮN

Giá mục tiêu HVN: 32  
Hỗ trợ: 18 | Kháng cự: 43

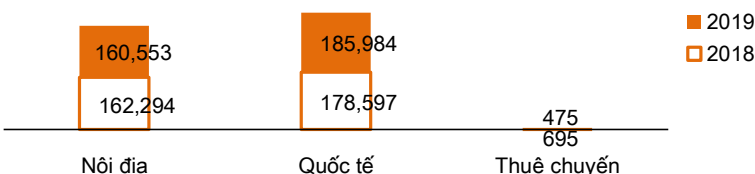
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM \_ HVN

Tp.HCM, ngày 23/06/2020

Tổng thị trường hàng hóa Việt Nam năm 2019 không tăng trưởng như dự báo chỉ tăng trưởng 3,2% so với 2018 (quốc tế tăng 3,6%, nội địa tăng 1,9%), cạnh tranh vẫn tiếp tục gia tăng. Trong bối cảnh đó, Vietnam Airlines đã điều hành linh hoạt các chính sách bán, tăng bán hàng giá cao, đẩy mạnh bán hàng, bán fill-up chuyến bay...

500,000

## So sánh sản lượng vận chuyển Hàng hóa 2018-2019 (tấn)



(Nguồn: Báo cáo thường niên 2019)

### HVN đang xây dựng khai thác trên 3 kịch bản đối với thị trường quốc tế:

\* Kịch bản lạc quan (kịch bản 1), dịch bệnh kết thúc trong tháng 6 này và có thể bắt đầu khai thác lại quốc tế từ tháng 7; tổng thị trường cả năm 2020 ước đạt 14,41 triệu lượt khách, giảm 58,7% so với cùng kỳ.

\* Kịch bản thường (kịch bản 2), dự kiến dịch bệnh kết thúc vào tháng 8 và có thể bắt đầu khai thác lại quốc tế từ tháng 9; tổng thị trường cả năm 2020 ước đạt 7,69 triệu lượt khách, giảm 77,9% so với cùng kỳ.

\* Kịch bản thấp (kịch bản 3), dự kiến dịch bệnh kết thúc vào tháng 11 và có thể bắt đầu khai thác lại quốc tế từ tháng 12; tổng thị trường cả năm 2020 ước đạt 1,83 triệu lượt khách, giảm 94,8% so với cùng kỳ.

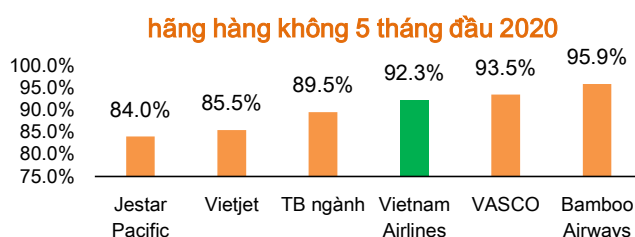
"Hiện con số lợi nhuận hợp nhất âm 15.000 tỷ đồng năm 2020 được xây dựng trên kịch bản lạc quan. Tình hình sẽ còn xấu hơn nhiều nếu việc kiểm soát dịch bệnh trên toàn cầu tiến triển chậm và gói hỗ trợ của cố đồng nhà nước mà Hãng kiến nghị không được triển khai sớm"

### CHI TIẾT VẬN TẢI THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA VN THEO KHU VỰC

Chỉ tiêu	RFTK		AFTK	
	2018	2019	2018	2019
Châu Âu	371.84	357.27	401.29	385.23
Châu Úc	120.79	126.25	166.79	156.42
Đông Bắc Á	312.81	330.57	463.27	509.03
Đông Nam Á	23.86	25.51	30.30	36.36
Đông Dương	0.90	0.80	5.16	4.82
Việt Nam	165.50	162.11	254.51	223.82

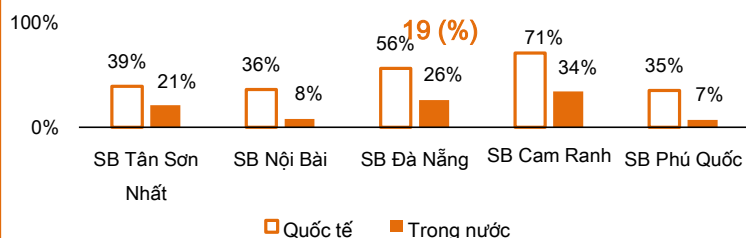
(Đơn vị tính: Triệu tấn.Km)

### Tỷ lệ bay đúng giờ của các hãng hàng không 5 tháng đầu 2020



(Nguồn: Cục hàng không Việt Nam)

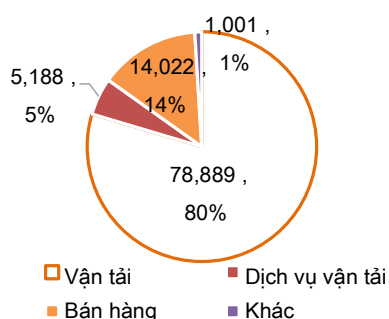
### Lượng khách giảm tại cảng hàng không bởi Covid-19 (%)



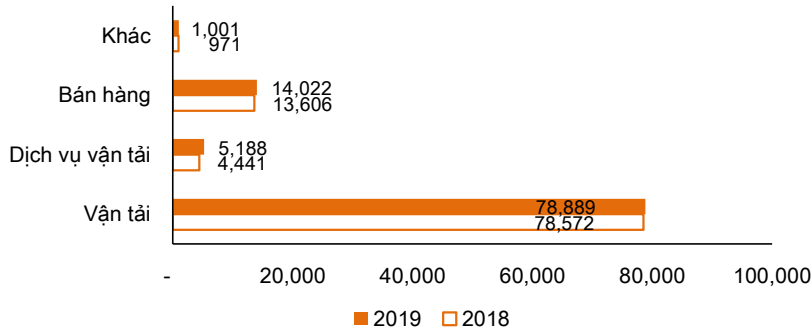
### Toàn bộ tài sản thuê hoạt động của HVN năm 2019 là máy bay thuê khô, gồm:

Máy bay A321	16 chiếc
Máy bay A321 NEO	19 chiếc
Máy bay A320	18 chiếc
Máy bay ATR72	01 chiếc
Máy bay B787-9	04 chiếc
Máy bay A350	14 chiếc
Máy bay B787-10	03 chiếc

### Cơ cấu doanh thu của HVN (Tỷ đồng)



### So sánh doanh thu của HVN 2018-2019 (Tỷ đồng)





# BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGẮN

Giá mục tiêu HVN: 32  
Hỗ trợ: 18 | Kháng cự: 43

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM \_ HVN

Tp.HCM, ngày 23/06/2020

## Thông tin doanh nghiệp

HVN (1956) có tiền thân là Cục Hàng không dân dụng. Hoạt động sản xuất chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải hàng không. Năm 2019, HVN và các hãng hàng không thành viên trực thuộc chiếm 50,1% thị phần vận chuyển hành khách nội địa bằng đường hàng không và 21% thị phần vận chuyển hành khách quốc tế.

HVN hiện có 15 công ty con: VAECO, SKYPEC, VACS, VIAGS, JPA, NCTS, TCS, TECS, VINA KO, NCS, NASCO, VFT, AITS, ALSIMEXCO, SABRE VN.

HVN cũng có liên doanh liên kết với 5 Công ty: VALC, K6, MASCO, AIRMEX, APLACO.

## Vị thế doanh nghiệp

\* Năm 2019, HVN và các hãng hàng không thành viên trực thuộc (gồm Jetstar Pacific, VASCO) thực hiện 186.000 chuyến bay, vận chuyển hơn 29,1 triệu lượt khách và khoảng 371.300 tấn hàng hóa. Hệ số sử dụng ghế đạt 80,9%.

\* Sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu thúc đẩy hoạt động giao thương và nhu cầu du lịch tăng trưởng là động lực kích thích sự phát triển của ngành hàng không VN. Và với lợi thế về vị trí địa lý chiến lược trong khu vực và tiềm năng phát triển của ngành du lịch, Việt Nam được Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) đánh giá sẽ là một trong những thị trường có mức tăng trưởng nhanh nhất trong thời gian tới.

## Thuận lợi và khó khăn

\* **Thuận lợi:** (1) Duy trì vị thế dẫn đầu tại thị trường vận tải hàng không VN và phần đầu giành vị thế chi phối trong vận tải hàng không trong Tiểu vùng Campuchia-Lào-Myanmar-VN; (2) Kết hợp với các thành viên của HVN, bao gồm Jetstar Pacific, Cambodia Angkor Air và VASCO nghiên cứu và xây dựng dải sản phẩm đáp ứng nhu cầu vận chuyển của các đối tượng khách hàng, tạo lợi thế về quy mô trong việc kết hợp quảng bá sản phẩm, đào tạo, huấn luyện, bảo dưỡng tàu bay; (3) Tập trung đầu tư hạ tầng cơ sở kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng, cơ sở huấn luyện đào tạo chuyên ngành và các cơ sở trong chuỗi dịch vụ đồng bộ;

\* **Khó khăn:** Cơ sở hạ tầng hàng không trong nước tuy đã từng bước được nâng cấp và hiện đại hóa nhưng vẫn xảy ra tình trạng quá tải, đặc biệt là tại sân bay Tân Sơn Nhất. Điều này hạn chế năng lực khai thác của các hãng hàng không.

## Định giá HVN theo PE và PB

P/E (Bình quân)	17.71	P/B (Bình quân)	3.16
EPS 2020E	1,241	BVPS 2020E	11,241
<b>Giá (theo PE)</b>	<b>21,970</b>	<b>Giá (theo PB)</b>	<b>35,555</b>
<b>Giá trị cơ bản của HVN là:</b>		<b>27,404 đồng/CP</b>	

Với EPS từ 1,005 đ đến 1,501 đ thì vùng giá trị của HVN từ 24,900 đ/cp đến 30,200 đ/cp. Với mức giá 22/06/20 là: 27.000 đ/cp nằm trong vùng giá trị.

## Khuyến nghị: QUAN SÁT.

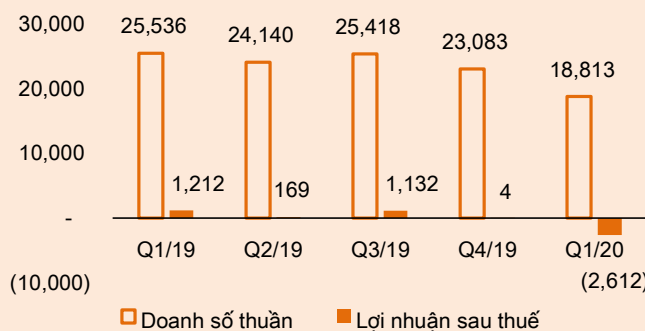
Canh mua tích lũy ở mức giá dưới 25,000 đ/cp, phù hợp cho chiến lược trung và dài hạn.

## Dữ liệu cổ phiếu

Ngày niêm yết HOSE 7/5/2019

<b>Giá 22/06/2020 (VNĐ)</b>	<b>27,000</b>
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,800
SLCP lưu hành ( CP)	1,418
Vốn hóa (Tỷ VNĐ)	38,294

## So sánh doanh thu thuần, LNST qua các quý (tỷ đồng)



## Chỉ số tài chính

	2017	2018	2019
P/E	19.18	23.08	16.45
P/B	1.99	2.13	2.13
P/S	0.40	0.40	0.39
EPS cơ bản	1,418	1,179	1,654
Giá trị sổ sách/CP	14,069	13,050	12,952
Tỷ suất LN gộp	12.87%	12.45%	11.17%
Tỷ suất EBIT	4.19%	5.05%	3.76%
Tỷ suất EBITDA	10.45%	10.23%	8.99%
Tỷ suất LN ròng	3.21%	2.68%	2.58%
ROE%	14.08%	12.93%	12.58%
ROA%	2.56%	2.73%	2.95%
Tỷ suất TT hiện tại	0.65	0.63	0.61
Tỷ suất TT nhanh	0.52	0.40	0.35
Nợ/Vốn CSH	4.08	3.41	3.11
Nợ/Tổng Tài sản	0.80	0.77	0.76
Số lượng CP lưu hành	1,418,290,847 cổ phiếu		

## Cơ cấu sở hữu (cập nhật 09/03/2020)

	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	1,362,717,408	96.07%
Ban lãnh đạo	92,068	0.01%
Khác	55,481,371	3.92%

## Top cổ đông lớn

	Số lượng	Tỷ lệ
Trịnh Ngọc Thành	9,706	0.00%
UB Quỹ vốn Nhà nước	1,222,368,291	86.19%
ANA Holdings Inc.	124,438,698	8.77%
NHTM Cổ phần Ngoại thương VN	14,803,693	1.04%
Công đoàn TCT Hàng không VN	824,912	0.06%
Quỹ Đầu tư trái phiếu Bảo Việt	187,053	0.01%



# BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGẮN

Giá mục tiêu HVN: 32  
Hỗ trợ: 18 | Kháng cự: 43

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM \_ HVN

Tp.HCM, ngày 23/06/2020

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Năm	2015	2016	2017	2018	2019
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>19,257</b>	<b>22,309</b>	<b>21,123</b>	<b>20,326</b>	<b>19,288</b>
Tiền và tương đương tiền		4,573.8	2,764.9	7,540.6	3,603.0	2,957.2
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn		382.2	763.7	409.3	2,875.4	3,579.2
Các khoản phải thu		12,169.2	15,622.9	9,608.2	9,170.9	7,904.1
Hàng tồn kho, rông		1,727.0	2,712.2	3,233.8	3,685.6	3,569.7
Tài sản lưu động khác		404.6	445.5	330.8	990.7	1,278.1
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>69,924.9</b>	<b>74,171.3</b>	<b>67,427.8</b>	<b>62,064.7</b>	<b>57,166.6</b>
Tài sản cố định		55,315.7	61,409.5	55,086.6	51,026.1	46,956.0
Tài sản dở dang dài hạn		549.4	262.2	269.6	243.2	410.1
Đầu tư dài hạn		1,965.6	2,066.3	2,114.5	2,135.3	2,094.6
Tài sản dài hạn khác		5,058.5	5,600.0	5,780.5	6,642.8	5,533.0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>89,181.7</b>	<b>96,480.3</b>	<b>88,550.5</b>	<b>82,390.3</b>	<b>76,454.9</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>77,039.3</b>	<b>80,235.7</b>	<b>71,117.6</b>	<b>63,717.8</b>	<b>57,847.3</b>
Nợ ngắn hạn		27,734.8	29,362.8	32,738.4	32,170.3	31,420.6
Nợ dài hạn		49,304.5	50,872.9	38,379.1	31,547.5	26,426.7
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>12,142.4</b>	<b>16,244.6</b>	<b>17,432.9</b>	<b>18,672.4</b>	<b>18,607.6</b>
Vốn và các quỹ		12,142.4	16,244.6	17,432.9	18,672.4	18,607.6
Vốn góp		11,198.6	12,275.3	12,275.3	14,182.9	14,182.9
Lãi chưa phân phối		65.3	1,801.1	2,907.6	3,365.3	2,612.5
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>89,181.7</b>	<b>96,480.3</b>	<b>88,550.5</b>	<b>82,390.3</b>	<b>76,454.9</b>
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	<b>Năm</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>
<b>Doanh số thuần</b>		<b>65,942</b>	<b>70,089</b>	<b>82,951</b>	<b>96,811</b>	<b>98,228</b>
Giá vốn hàng bán		-56,918.5	-59,246.1	-72,278.3	-84,754.4	-87,259.5
<b>Lãi gộp</b>		<b>9,023</b>	<b>10,843</b>	<b>10,673</b>	<b>12,056</b>	<b>10,969</b>
Thu nhập tài chính		1,752.2	899.8	906.6	1,159.7	1,139.6
Chi phí tài chính		-4,924.9	-41.4	-45.8	-24.6	-41.1
Trong đó: Chi phí lãi vay		-59.5	-59.5	-59.5	-59.5	-59.5
Chi phí quản lý doanh nghiệp		-2,061.6	-2,244.8	-2,323.2	-2,398.3	-2,662.2
<b>Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>-193</b>	<b>2,067</b>	<b>2,068</b>	<b>2,356</b>	<b>2,450</b>
Thu nhập khác, rông		1,432.3	578.4	1,124.6	995.3	982.6
<b>Lãi/(lỗ) rông trước thuế</b>		<b>1,049</b>	<b>2,601</b>	<b>3,155</b>	<b>3,312</b>	<b>3,389</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		-242.9	-495.3	-495.6	-713.4	-851.4
<b>Lãi/(lỗ) thuần sau thuế</b>		<b>506</b>	<b>2,055</b>	<b>2,371</b>	<b>2,335</b>	<b>2,346</b>
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</i>			<i>1,685.0</i>	<i>1,931.0</i>	<i>1,747.0</i>	<i>1,654.0</i>
<b>CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	
<b>Tiềm lực tài chính</b>						
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	lần	0.09	0.23	0.11	0.09	
Tỷ suất thanh toán nhanh	lần	0.63	0.52	0.40	0.35	
Tỷ suất thanh toán hiện thời	lần	0.76	0.65	0.63	0.61	
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	lần	3.07	2.15	1.62	1.37	
Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	%	52.0%	42.0%	37.0%	33.0%	
Vốn vay ngắn dài hạn/Vốn CSH	lần	3.75	2.70	2.06	1.72	
Vốn vay ngắn dài hạn/Tổng TS	%	63.0%	53.0%	47.0%	42.0%	
Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	lần	1.81	1.88	1.72	1.69	
Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	30.0%	37.0%	39.0%	41.0%	
Tổng công nợ/Vốn CSH	lần	4.94	4.08	3.41	3.11	
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	%	83.0%	80.0%	77.0%	76.0%	



# BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGẮN

Giá mục tiêu HVN: 32  
Hỗ trợ: 18 | Kháng cự: 43

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM \_ HVN

Tp.HCM, ngày 23/06/2020

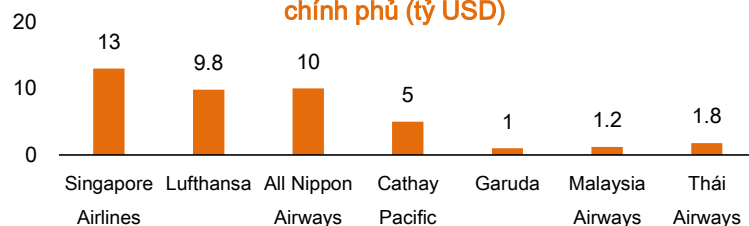
Tài chính hiện nay	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	GIẢI PHÁP CẮT GIẢM TRIỆT ĐỂ CHI PHÍ ĐƯỢC ƯU TIÊN CHỌN LỰA: (1)
EBIT	Tỷ VNĐ	4,141.8	3,474.6	4,886.8	3,689.8	Cắt giảm triệt để các chi phí sản xuất, chấp nhận giảm lương của người lao động, ngay khi Covid-19 mới bùng phát tại Trung Quốc, (2)
EBITDA	Tỷ VNĐ	9,360.1	8,667.1	9,906.9	8,832.4	đàm phán với các đơn vị cho thuê tàu bay, các định chế tài chính trong và ngoài nước, qua đó đạt được những thỏa thuận rất tích cực. Cụ thể, HVN đã chủ động rà soát cắt giảm 4.346 tỷ đồng, trong đó, chi phí nhân công là 1.360 tỷ đồng (chủ yếu là tiền lương). HVN cũng đã đàm phán với các nhà cung cấp và đạt được mức giảm giá là 617 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là giảm giá thuê tàu bay 530 tỷ đồng.
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	15.5%	12.9%	12.5%	11.2%	
Tỷ suất EBITDA	%	13.4%	10.5%	10.2%	9.0%	
Tỷ suất EBIT	%	5.9%	4.2%	5.1%	3.8%	
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế %	%	3.7%	3.8%	3.4%	3.5%	
Tỷ suất lãi hoạt động KD	%	3.0%	2.5%	2.4%	2.5%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	%	3.0%	3.2%	2.7%	2.6%	
Hệ số quay vòng vốn CSH		4.9	4.9	5.4	5.3	
<b>Hiệu quả quản lý</b>						
ROE%	%	14.5%	14.1%	12.9%	12.6%	
ROA%	%	2.2%	2.6%	2.7%	3.0%	
ROIC%	%	5.4%	5.4%	8.6%	7.3%	
Thời gian TB xử lý HTK	Ngày	14.0	16.0	16.0	16.0	
Hệ số quay vòng phải trả NCC	Ngày	5.6	5.6	6.0	5.8	
Thời gian TB T/toán cho NCC	Ngày	65.0	65.0	61.0	63.0	
<b>Định giá</b>						
Vốn hóa thị trường	Tỷ VNĐ	33,388.9	33,388.9	38,577.5	38,577.5	
Giá trị doanh nghiệp (EV)	Tỷ VNĐ	91,488.9	72,970.6	73,440.3	67,554.7	
P/E		20.8	19.2	23.1	16.5	
P/E pha loãng		16.3	14.1	16.5	16.5	
P/B		2.1	2.0	2.1	2.1	
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA		9.8	8.4	7.4	7.7	
Giá trị doanh nghiệp/EBIT		22.1	21.0	15.0	18.3	

## So sánh chỉ số tài chính với các công ty cùng ngành

Mã CK	Giá 18/06	PE 18/06	PB 18/06	BVPS 2020E	EPS 2020E	LNST Q01.20 (tỷ đ)	LNST 2019 (tỷ đ)	Nợ/TTS Q1.20 (%)	Số lượng CPLH	EPS 2019
ACV	62,300	21.87	3.62	17,217	2,848	1,550.2	8,214.2	36.2%	2,176,998,736	3,773
NCS	19,200	87.37	1.55	12,355	220	1.0	33.6	62.6%	17,948,210	1,870
NCT	62,400	7.55	2.87	21,721	8,264	54.1	221.4	7.8%	26,165,732	8,461
SGN	71,600	7.05	2.33	30,668	10,159	74.6	378.5	20.9%	33,533,591	11,288
SAS	27,400	10.90	2.28	12,008	2,513	15.8	372.6	29.3%	133,451,910	2,792
AST	52,100	10.04	3.58	14,541	5,191	16.1	212.4	11.8%	45,000,000	4,719
VJC	111,000	31.09	4.23	26,256	3,570	(989.4)	3,807.3	70.7%	523,838,594	7,268
HVN	27,550	(29.89)	2.45	11,241	(922)	(2,611.5)	2,537.5	77.5%	1,418,290,847	1,789
SCS	123,000	13.41	5.54	22,184	9,173	121.5	502.2	5.1%	50,745,700	9,896
<b>Trung bình</b>		<b>17.71</b>	<b>3.16</b>							

(Nguồn: FNS Research tổng hợp)

## Tổng giá trị các hãng bay Quốc tế nhận hỗ trợ từ chính phủ (tỷ USD)



Hiện nhiều nước đã triển khai giải pháp hỗ trợ cho các hãng bay, dưới hình thức bảo lãnh cho vay và trực tiếp cho vay như Pháp, Hà Lan, Singapore. Trợ cấp lương, bổ sung nguồn vốn, thuế nhiên liệu bay...

## Ba giải pháp hỗ trợ khẩn cấp mà HVN khuyến nghị:

- (1) Khoản vay tái cấp vốn với quy mô 4.000 tỷ đồng, lãi suất ưu đãi mức thấp nhất theo chính sách tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước, thời hạn 3 năm.
- (2) Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn với quy mô phát hành cân đối với phương án vay để đảm bảo 12.000 tỷ đồng.
- (3) Trong trung và dài hạn, Chính phủ bảo lãnh cho HVN phát hành trái phiếu doanh nghiệp có thời hạn 10 năm, quy mô 10.000 tỷ đồng để thực hiện dự án đầu tư đội bay (giai đoạn 2021 - 2025).



## BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGẮN

Giá mục tiêu HVN: 32  
Hỗ trợ: 18 | Kháng cự: 43

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM \_ HVN

Tp.HCM, ngày 23/06/2020

### PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



#### Nhận xét:

Đường chỉ báo RSI (5) ngày và RSI (10) ngày nằm trong biên độ (30; 70), đường RSI (5) ngày đang ở 41.71%, đường RSI (10) ngày đang ở 50.54%, cho thấy xu hướng chưa rõ ràng. Kết hợp chỉ số MACD, cho thấy MACD đang ở trên mức 0 ở khoản trống khá xa cho thấy xu hướng điều chỉnh cao trong các phiên tiếp theo.

Đường giá chuẩn bị cắt đường MA 20 từ trên xuống, xác nhận xu hướng điều chỉnh trong thời gian tới.

**Khuyến nghị: QUAN SÁT. Canh mua tích lũy ở mức giá dưới 25,000 đ/cp cho chiến lược trung và dài hạn.**

#### KHUYẾN CÁO (Miễn trừ trách nhiệm):

Nội dung bản tin này do Công ty Cổ phần Chứng khoán FUNAN (FNS) cung cấp chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ các nguồn tin đáng tin cậy, nhưng FNS không đảm bảo tuyệt đối độ chính xác của thông tin và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào mua hay bán và nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào.

Báo cáo này là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán FUNAN (FNS). Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích nào nếu không có sự đồng ý của FNS. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.

**LIÊN HỆ:** PHÒNG NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH – CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FUNAN

Email : [research@funan.com.vn](mailto:research@funan.com.vn)

Website : [www.funan.com.vn](http://www.funan.com.vn)

#### TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 7, Vincom Center, 72 Lê  
Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1,  
Tp.HCM  
Tel : (84.28) 6295.9158  
Fax: (84.28) 6295.9218

#### CHI NHÁNH SÀI GÒN

Tầng 3, số 353-353bis-355 An Dương  
Vương, Phường 3, Quận 5, TPHCM  
Tel : (84.28) 6295 9138  
Fax: (84.28) 6295 9218

#### CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 90-92 Hồ Xuân Hương, Quận Ngũ  
Hành Sơn, Đà Nẵng.  
Tel : (84.236) 377.9655  
Fax: (84.236) 377.9656

#### CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 6-Số 205 Giảng  
Võ Phường Cát Linh Đống Đa,  
Hà Nội.  
Tel : (84.24) 6283 3666  
Fax: (84.24) 6273 2554